

CHƯƠNG V: THẤT NGHIỆP



I. KHÁI NIỆM VÀ ĐO LƯỜNG

1. Khái niệm:

- **Lực lượng lao động**: là một bộ phận của dân số, trong độ tuổi lao động, có đủ khả năng lao động, có nghĩa vụ lao động và có mong muốn làm việc. Độ tuổi LĐ: Nam (16-60), Nữ (16-55).

Theo BLĐTBXH định nghĩa:

Lực lượng lao động = Có việc làm + Thất nghiệp

I. KHÁI NIỆM VÀ ĐO LƯỜNG

1. Khái niệm:

- **Thất nghiệp** là tình trạng một bộ phận của lực lượng lao động do những nguyên nhân khác nhau dẫn đến chưa có việc làm.
- **Người không nằm trong LLLĐ là** những người ngoài tuổi lao động, người già và trẻ em, không có đủ khả năng lao động, người không có nghĩa vụ lao động (SV, HS) và những người không có mong muốn làm việc

CÂU HỎI

- Một người đàn ông 67 tuổi không có việc làm có phải là người thất nghiệp?
- Một thanh niên 30 tuổi, bị bệnh tâm thần, không có việc làm có phải là người thất nghiệp?
- Một phụ nữ 32 tuổi, có con nhỏ, ở nhà chăm sóc gia đình, chưa nộp đơn xin việc, có phải là người thất nghiệp?

2. ĐO LƯỜNG TỶ LỆ THẤT NGHIỆP

- **Tỷ lệ thất nghiệp (u - *Unemployment Rate*):** là % số người thất nghiệp so với tổng số người trong lực lượng lao động.

$$u = \frac{U}{L} \cdot 100\%$$

U (Unemployed): Số người thất nghiệp

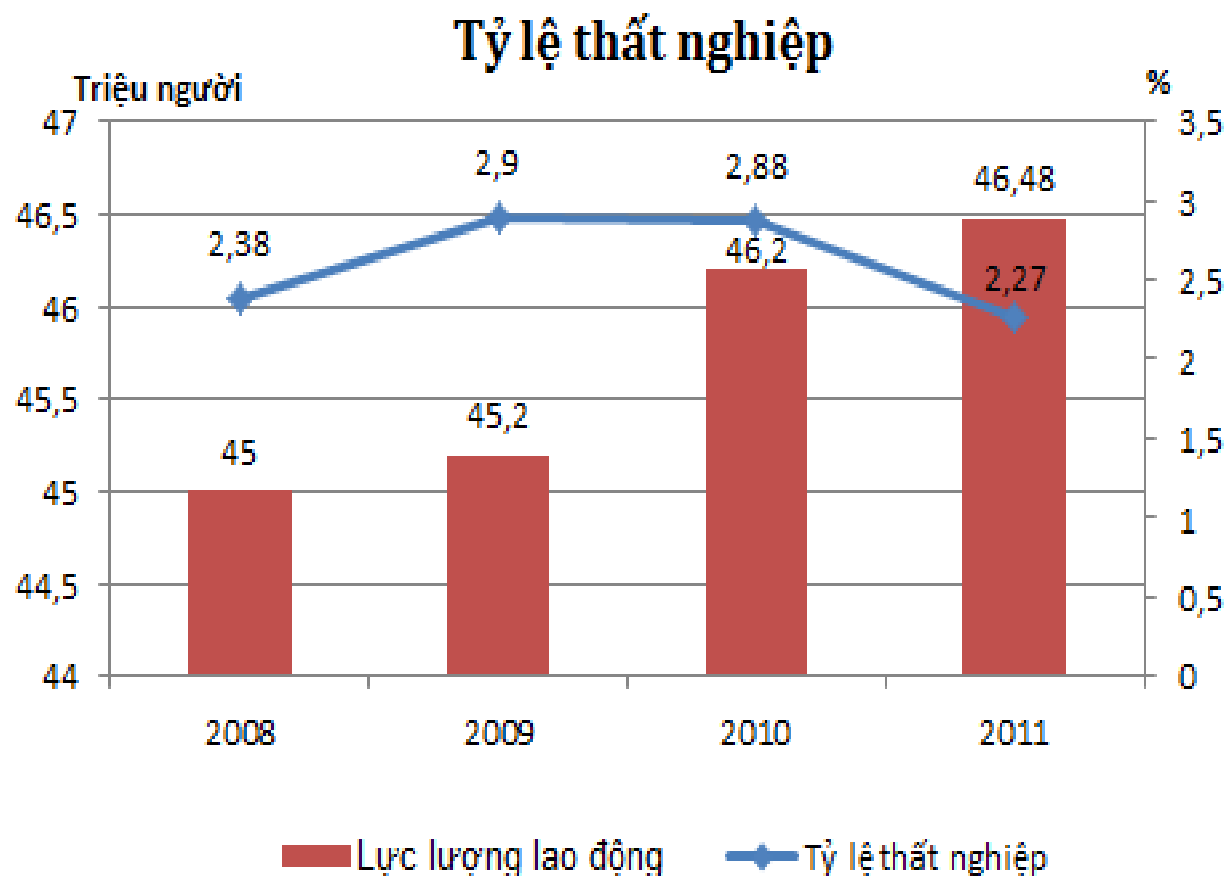
L (Labour Force): Lực lượng lao động

- Các nhà thống kê còn tính *tỷ lệ tham gia lực lượng lao động*:

Tỷ lệ tham gia LLLĐ = $LLLĐ/DS$ trưởng thành $\times 100\%$

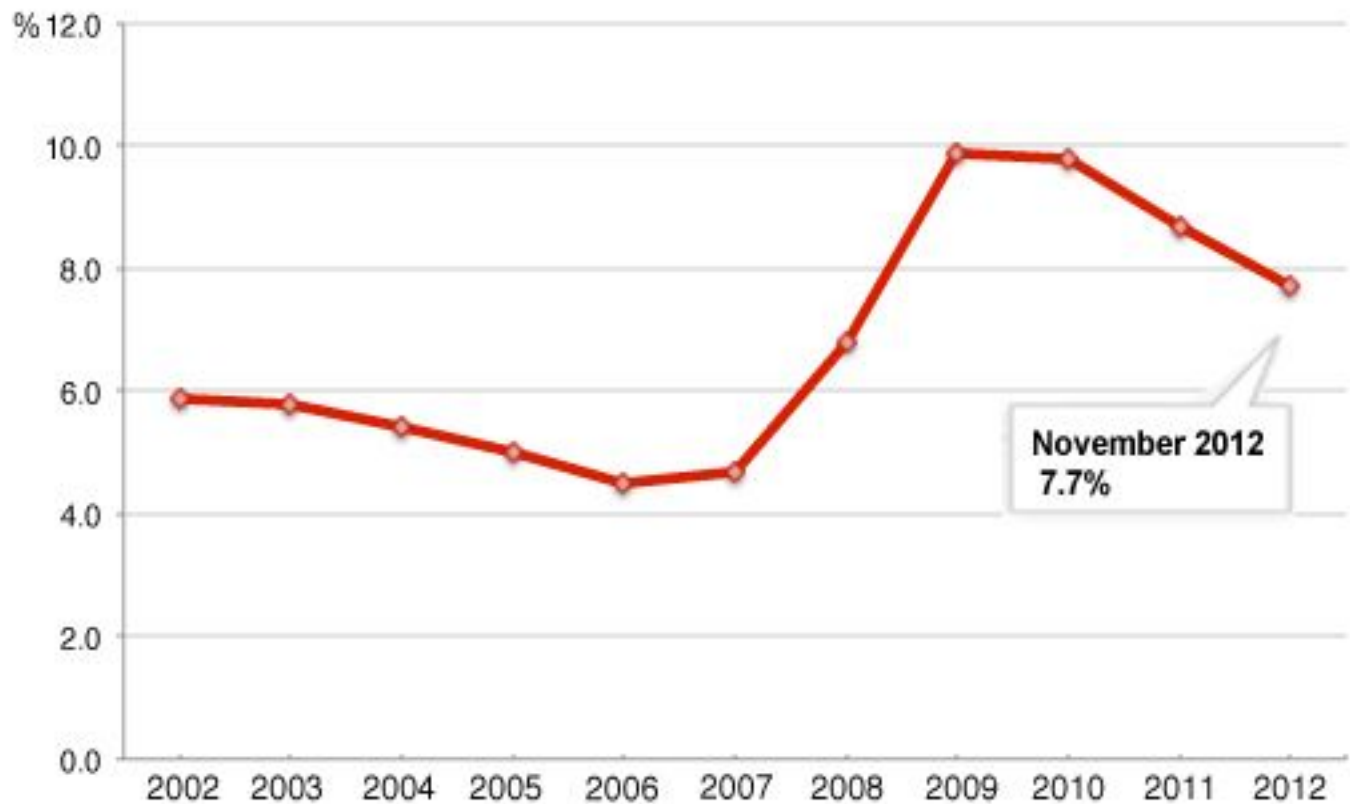
- Chỉ tiêu này cho biết phần dân số quyết định tham gia vào thị trường lao động.

Tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam



Thất nghiệp Mỹ giai đoạn 2002-2012

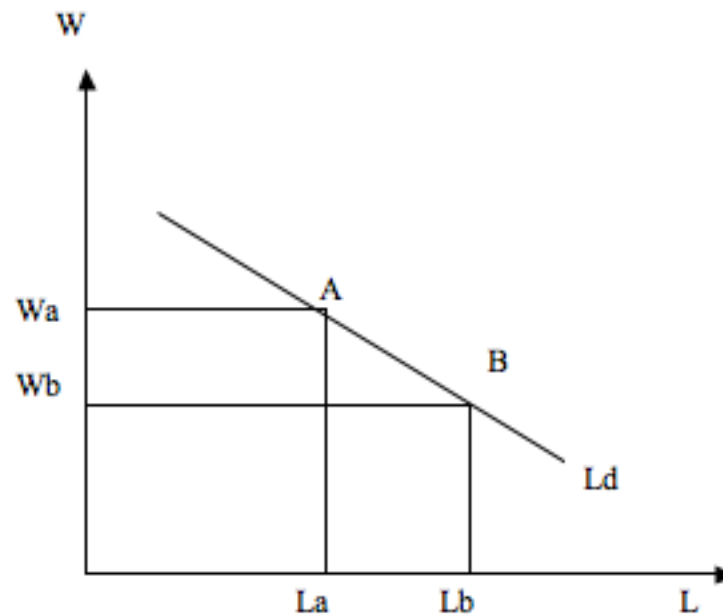
U.S. Unemployment Rate, 2002-2012



II. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

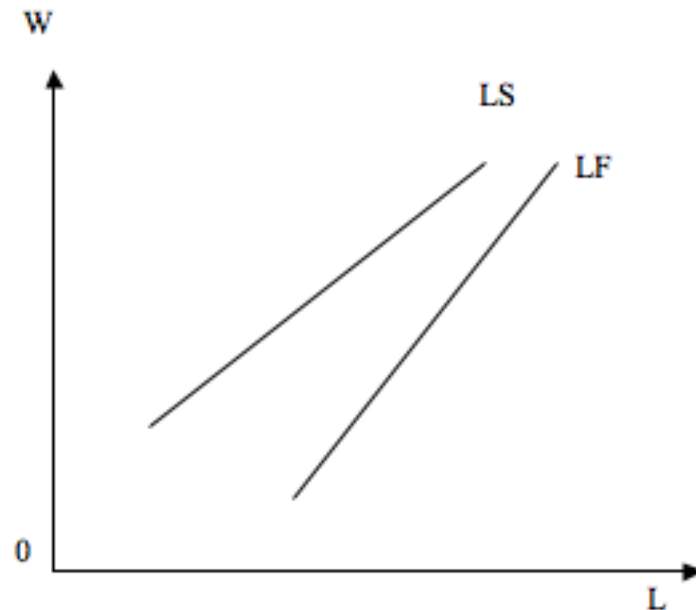
CẦU LAO ĐỘNG (LD – LABOUR DEMAND)

- Là số lượng LĐ mà các tác nhân trong nền kinh tế mong muốn và có khả năng thuê tương ứng với các mức lương thực tế, trong một thời gian nhất định (giả định các yếu tố kinh tế khác không đổi).
- Quan hệ tỷ lệ nghịch với mức lương



CUNG LAO ĐỘNG (LS)

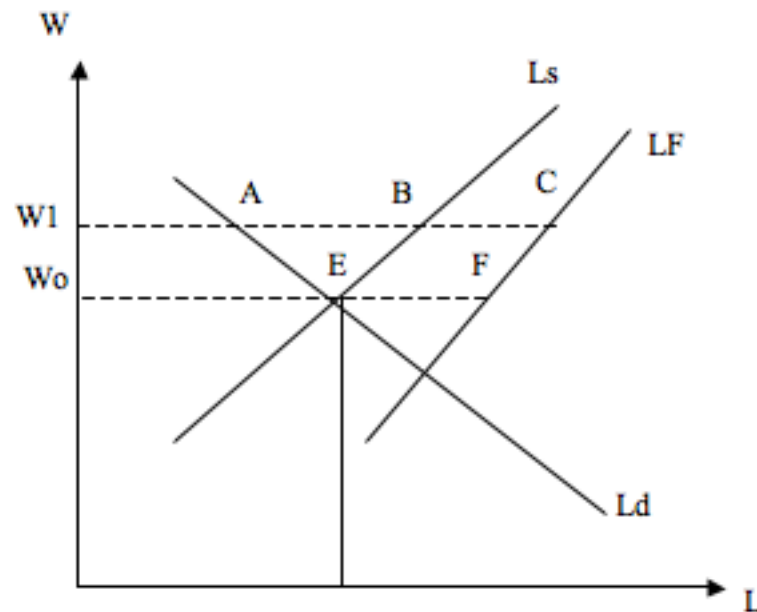
b. Cung lao động (LS - Labour Supply): là số lao động có khả năng và sẵn sàng làm việc tương ứng với những mức lương thực tế trong một khoảng thời gian nhất định, giả định các yếu tố khác không thay đổi.



- LS : quy mô LLLĐ xã hội tương ứng
- LF : quy mô bộ phận LĐ chấp nhận l
- Khoảng cách giữa LS và LF biểu thị số người thất nghiệp tự nguyện; LS & LF xu hướng dốc lên trên phản ánh khi W_r tăng lên thì quy mô LLLĐ và số người chấp nhận làm việc tăng lên.

c. Cân bằng thị trường LĐ

Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên: Là tỷ lệ thất nghiệp khi thị trường lao động ở trạng thái cân bằng $L_s = L_d$. Tại mức đó, tiền lương và giá cả là hợp lý bởi các thị trường đều đạt cân bằng dài hạn.



II. PHÂN LOẠI THẤT NGHIỆP

Thường được chia ra làm hai nhóm:

- Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên (dài hạn)
- Tỷ lệ thất nghiệp chu kỳ (ngắn hạn)

II. PHÂN LOẠI THẤT NGHIỆP

- ***Thất nghiệp tự nhiên:***

- Là loại thất nghiệp không mất đi kể cả trong dài hạn
- Là loại thất nghiệp mà các nền kinh tế thường phải trải qua

- ***Thất nghiệp chu kỳ:***

- Là tỷ lệ thất nghiệp hàng năm biến động quanh tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên
- Thường liên quan tới sự lên xuống của chu kỳ kinh doanh

1. Thất nghiệp tự nhiên

a. Thất nghiệp do cọ xát (hay thất nghiệp tạm thời):

khi người lao động trong quá trình tìm kiếm việc làm mới.

- Cần thời gian để cung và cầu lao động gặp nhau => Khoảng thời gian trước khi tạo được sự ăn khớp giữa lao động và việc làm sẽ có một lượng lao động thất nghiệp tạm thời.
- VD: Sinh viên mới ra trường, người đang trong quá trình chuyển việc (do chán việc cũ hoặc bị sa thải)

1. Thất nghiệp tự nhiên

b. Thất nghiệp cơ cấu:

ĐN: Thất nghiệp cơ cấu xảy ra khi thời gian, địa điểm và kỹ năng của người lao động cần việc làm không phù hợp với thời gian, địa điểm và kỹ năng của công việc đang cần lao động.

Tại sao cơ cấu của cung và cầu không ăn khớp:

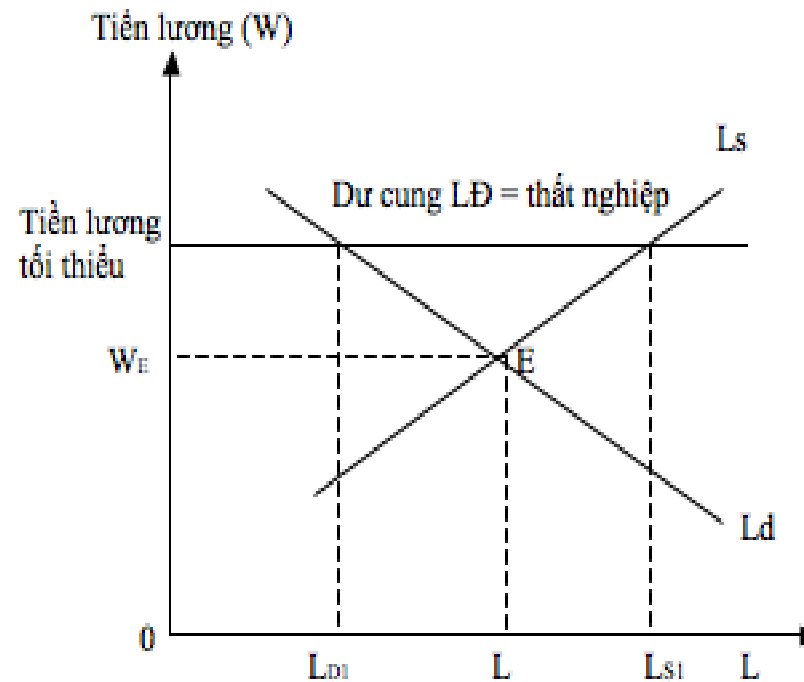
- Tăng trưởng kinh tế làm thay đổi cơ cấu của cầu LĐ
- Cầu LĐ thay đổi => cấu trúc của lực lượng LĐ cũng cần thay đổi tương ứng
- Cung LĐ thích ứng không kịp với sự thay đổi của cầu LĐ
=> thất nghiệp cơ cấu

c. Thất nghiệp do yếu tố ngoài thị trường (thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển)

- **ĐN:** xảy ra khi tiền lương được ấn định không bởi các lực lượng thị trường mà cao hơn mức lương cân bằng thực tế của thị trường lao động.
- 3 nguyên nhân làm tiền lương thực tế cao hơn mức cân bằng thị trường: luật tiền lương tối thiểu, công đoàn và tiền lương hiệu quả.

c. Thất nghiệp do yếu tố ngoài thị trường

- ***Luật tiền lương tối thiểu***



c. Thất nghiệp do yếu tố ngoài thị trường

* *Công đoàn và thương lượng tập thể:*

- **Công đoàn** (nghiệp đoàn, liên đoàn lao động) là "một hiệp hội của những người làm công ăn lương có mục đích duy trì hay cải thiện các điều kiện thuê mướn họ".

- ✓ Cung cấp lợi ích dự phòng
- ✓ Thương lượng tập thể
- ✓ Hành động áp lực
- ✓ Hoạt động chính trị

c. Thất nghiệp do yếu tố ngoài thị trường

- Công đoàn đẩy tiền lương lên cao hơn mức cân bằng =>
Người đang làm việc được lợi nhưng người đang thất nghiệp lại bị tổn thất vì cầu lao động lúc này giảm xuống.

c. Thất nghiệp do yếu tố ngoài thị trường

- ***Lý thuyết tiền lương hiệu quả:*** Theo lý thuyết này, *DN có thể hoạt động hiệu quả hơn nếu trả lương cao hơn mức cân bằng thị trường.*
- **Các nguyên nhân DN sẵn sàng trả lương cao hơn mức cân bằng :**
 - ✓ Sức khỏe của công nhân
 - ✓ Sự luân chuyển công nhân
 - ✓ Nỗ lực của công nhân
 - ✓ Chất lượng công nhân

2. Thất nghiệp chu kỳ

ĐN: Theo lý thuyết của Keynes, là loại thất nghiệp xảy ra khi nền kinh tế có suy thoái, khi đó cầu về hàng hóa thấp nên giảm sản xuất => Thất nghiệp

Thất nghiệp chu kỳ = Số người có việc làm khi sản lượng đạt mức tiềm năng – Số người hiện đang làm việc trong nền kinh tế.

2. Thất nghiệp chu kỳ

Khi thất nghiệp chu kỳ = 0 ta có :

- Số người có việc làm trong nền kinh tế = số người có việc làm khi sản lượng đạt mức tiềm năng. Tức là, tỷ lệ thất nghiệp hiện tại = tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên (đạt toàn dụng nhân công).
- Trong dài hạn, nền KT sẽ đạt được trạng thái toàn dụng => Thất nghiệp chu kỳ mất đi.

III. TÁC ĐỘNG CỦA THẤT NGHIỆP

1. Ảnh hưởng của thất nghiệp tới cá nhân, xã hội và nền kinh tế

a. Ảnh hưởng tới cá nhân

- Ảnh hưởng về mặt kinh tế
- Ảnh hưởng tâm lý

III. TÁC ĐỘNG CỦA THẤT NGHIỆP

b. Ảnh hưởng đối với xã hội và nền kinh tế:

- ***Đối với xã hội*** : Gây ra chi phí phân bổ không đồng đều đến toàn xã hội. Thất nghiệp chủ yếu tác động đến thanh niên và nhóm cư dân nghèo. Ngoài ra, những công nhân thất nghiệp trong thời gian dài sẽ gây ra lãng phí nguồn lực xã hội.

III. TÁC ĐỘNG CỦA THẤT NGHIỆP

- ***Chi phí cho doanh nghiệp và giảm tăng trưởng kinh tế:***
 - Tỷ lệ thất nghiệp cao đồng nghĩa với Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thấp – các nguồn lực con người không được sử dụng, bỏ phí cơ hội sản xuất thêm sản phẩm và dịch vụ. Theo quy luật Okun (Arthur Okun 1929-1979): mỗi % thất nghiệp tăng lên cao hơn mức tự nhiên, sản lượng giảm 2,5% xuống dưới mức tự nhiên.
 - Thất nghiệp còn có nghĩa là sản xuất ít hơn. Giảm tính hiệu quả của sản xuất theo quy mô.
 - Thất nghiệp dẫn đến nhu cầu xã hội giảm.

III. TÁC ĐỘNG CỦA THẤT NGHIỆP

2. Lợi ích:

- Tình trạng thất nghiệp gia tăng tương quan với áp lực lạm phát giảm. Do tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp có mối quan hệ tỷ lệ nghịch, điều này được minh họa bằng đường cong Phillips trong kinh tế học (tìm hiểu ở chương Lạm phát).